

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN THỊ TRANG**

**THỦ PHÁP NHẠY TRONG TRUYỆN NGẮN**  
**NGUYỄN HUY THIỆP, PHẠM THỊ HOÀI,**  
**HỒ ANH THÁI**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60.22.34**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Đà Nẵng, Năm 2014**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN THÀNH**

Phản biện 1: **TS. PHAN NGỌC THU**

Phản biện 2: **TS. BÙI THỊ BÍCH HẠNH**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 09 tháng 03 năm 2014.

*Có thể tìm luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Văn học Việt Nam sau 1975, đặc biệt là từ sau năm 1986 đã có những bước chuyển mình đáng kể. Sự chuyển biến mạnh mẽ ấy được thể hiện rất rõ ở sự đổi mới của các thể loại văn học, trong đó dấu ấn rõ rệt nhất là ở thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Có thể nói, sau năm 1975, đặc biệt là từ sau năm 1986 đến nay, truyện ngắn có một vị trí quan trọng trong diện mạo văn học Việt Nam đương đại.

Trên cơ sở những tiền đề văn hóa - xã hội, những quan điểm tiếp cận mới về hiện thực và con người, cảm hứng trào lộng, cảm hứng giễu nhại trong văn xuôi đương đại có điều kiện hình thành và phát triển mạnh mẽ. Công cuộc đổi mới đất nước tạo điều kiện cho sự phát triển của con người về nhiều mặt, trong đó có ý thức cá nhân. Trong lĩnh vực văn học, chính sự phát triển của ý thức cá nhân ấy đã thôi thúc các nhà văn phải có những tìm tòi, đổi mới cả nội dung tư tưởng và phương thức thể hiện. Một trong những đặc điểm của văn học từ sau 1986 đến nay là sự xuất hiện và phát triển tư duy giải thiêng, tạo nên cái nhìn giễu nhại đậm đặc. Do vậy, nhại trở thành một thủ pháp nghệ thuật có hiệu quả đối với nhiều nhà văn đương đại. Tiêu biểu là các sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái...

Cho đến nay vẫn chưa có những công trình nghiên cứu chuyên sâu riêng biệt, quy mô về thủ pháp nhại trong văn xuôi Việt Nam sau 1975 nói chung, trong truyện ngắn Nguyễn Huy

Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái nói riêng. Chính vì vậy, chúng tôi chọn đề tài “Thủ pháp nhại trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái” để thực hiện, với mong muốn ghi nhận và khẳng định hiệu quả của thủ pháp nhại trong nội dung và nghệ thuật truyện ngắn sau 1975, góp phần khẳng định vị trí và tài năng của những nhà văn này, từ đó chỉ ra những đóng góp nghệ thuật mới lạ của họ.

## **2. Lịch sử vấn đề**

Trong phê bình văn học những năm gần đây, vấn đề nhại, giễu nhại được đặt ra và thu hút rất nhiều sự chú ý của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

Nhìn nhận về giọng điệu văn xuôi của văn học sau 1975, PGS. TS Nguyễn Thị Bình đã nhận định: “ Nhìn chung, nếu so với văn xuôi giai đoạn 1945 – 1975 thì văn xuôi sau 1975 nổi rõ hai sắc thái giọng điệu mới: giễu nhại và hoài nghi. Từ sâu xa, đây là hai chất giọng điển đạt tinh thần của con người thời hiện đại, nó chống lại các quy phạm trói buộc và thường xuyên tự vấn” [12, tr. 211].

Nói về vấn đề giễu nhại trong văn học, tác giả Phùng Gia Thế đã cho rằng, hình thức giễu nhại đã trở thành phong cách sáng tác của văn học hậu hiện đại: “Từ mấy chục năm nay, hình thức giễu nhại càng ngày càng phổ biến trong văn học, trở thành một trong những đặc trưng nổi bật nhất của phong cách sáng tác hậu hiện đại,..”[55].

Cũng trong công trình nghiên cứu của mình, PGS.TS Nguyễn Thị Bình đã khẳng định giễu nhại là một trong những đặc điểm khá tiêu biểu của văn xuôi sau 1975: “Ở lớp nhà văn trẻ, nổi bật là giọng giễu nhại. Tuổi trẻ nhạy cảm với cái mới và sớm được hít thở làn gió dân chủ lại nhập cuộc hầu như cùng cơ chế thị trường. Họ công khai chống lại các thứ quy tắc bảo thủ, lỗi thời, các quy phạm, thói trịnh trọng cứng đờ, tính giáo huấn, những quan hệ xã giao nhiều đạo đức giả, lời thưa gửi khúm núm, những huý kỵ, tóm lại là tất cả những gì trói buộc cá tính. Dường như không quá coi trọng văn chương như lớp đàn anh nên họ ứng xử với nó tự do hơn. Họ thích cười đùa hơn là tư lự, trang nghiêm” [12, tr.186].

Có thể nói, chất nhại đến Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài mới thực sự rõ nét cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Nhiều nhà nghiên cứu, phê bình đã khẳng định trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp nhại như là một nét phong cách ở nhà văn này. PGS.TS Lê Huy Bắc trong bài viết “Bậc hiền triết - con chó xồm hay kỹ thuật nhại của Nguyễn Huy Thiệp” đã sử dụng chính hình ảnh trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp để khái quát thành một đặc điểm trong bút pháp của ông: “Trời rất xanh. Giữa trời có đám mây trắng trông hệt dáng điệu một nhà hiền triết. Thoắt cái, gió xua mây đi, nhà hiền triết biến thành con chó xồm lớn” [27, tr.319]. Cũng trong bài viết này, tác giả đã khẳng định: “ Ở Việt Nam, hai nhà văn sử dụng nhại như một biện pháp nghệ thuật hiệu quả nhất là Vũ Trọng Phụng (với *Số*

đồ) và Nguyễn Huy Thiệp (với các truyện ngắn như *Tướng về hưu*, *Sang sông*)... Những nhà văn được kể trên, chủ yếu họ chỉ nhại một khía cạnh tâm lí, một vài hành động nào đó của đời sống xã hội chứ không nhại toàn diện (hoặc nhiều khía cạnh) như kiểu phương Tây”. [27, 318]. Đồng thời, Lê Huy Bắc còn nhấn mạnh về yếu tố nhại xuất hiện dày đặc và chính nó cũng góp phần tạo nên một nét riêng của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp: “Yếu tố nhại trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp thật phong phú. Quả thực, ông đã tạo ra được dấu ấn riêng của mình ở lĩnh vực này” [27, tr.319].

Cũng khẳng định chất nhại nổi bật trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, PGS. TS La Khắc Hòa cho rằng: “ Mỗi sáng tác của Phạm Thị Hoài, vì thế giống như một hình tượng ngôn từ giễu nhại. Nó giễu nhại tất cả các lời nói có vẻ nghiêm túc, nhưng chứa đựng bên trong rất nhiều sự giả dối. Các nhà nghiên cứu, phê bình đã nói rất nhiều về hiện tượng giễu nhại trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Nhiều truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp là hình tượng giễu nhại của các thể loại ngôn từ đã bị biến thành lời nói phong cách hóa” [27, tr.67].

Lê Quang Toàn trong bài “Che giấu sự cô đơn” cũng không quên nhắc đến cái chất cười cợt, trào tiếu của tập truyện *Tự sự 265 ngày*: “Hồ Anh Thái cần có nơi để đùa cợt, để xả soupape hay là tác giả đã quá khéo léo che giấu sự cô đơn của mình trong những tiếng cười rất đời” [36, tr.39]. Còn Vân Long trong “Một giọng văn khác” đã viết: “Ở tập truyện ngắn này, nhà văn hình

thành một giọng văn hoàn toàn khác thời kỳ đầu: Trào lộng, châm biếm, hóm hỉnh và sắc sảo những câu chuyện, những thói tật đáng cười trong xã hội. Đọc tập truyện này, người đọc nhiều chỗ phải bật cười thành tiếng như đọc *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, truyện ngắn Nguyễn Công Hoan hay Azit Nêxin” [36, tr.245]. Trên báo Nông nghiệp Việt Nam ngày 05/10/2001, Trần Thị Trường dẫn ra ý kiến của người khác cho rằng trong: “*Tự sự 265 ngày* có cái cười nửa miệng của thi hào Gôgôl, có cái giọng điệu hiện thực huyền ảo của Milan Kundera...nếu muốn cười mà lòng vẫn đau dù chín khúc thì hãy đọc *Tự sự 265 ngày*. Cười người hay cười mình lẫn lộn cả nhưng đọc rồi cũng thấy muốn cười một tí...” [36, tr.247]. Bằng lập luận kiểu phản đề, Nguyễn Chí Hoan trong bài “Nhà văn không cười” đã viết: “có lẽ nói cho đúng, nhà văn cười nhưng chỉ nhếch mép...Toàn bộ 11 truyện trong tập đều một lối hoạt kê, không thể không cười song “ý tại ngôn ngoại” ở đây thì đều đáng đót” [36, tr.249].

Từ *Tự sự 265 ngày* đến *Bốn lối vào nhà cười*, đối tượng giễu nhại đã mở rộng ra cả cõi nhân sinh bằng bốn lối *Sinh - Lão - Bệnh - Tử*. Giới thiệu tập truyện ngắn *Bốn lối vào nhà cười*, báo điện tử Vietnamnet.vnn.vn viết: “Cuộc đời theo Hồ Anh Thái như một cái nhà cười mà bốn con đường đi vào ngôi nhà ấy là *Sinh - Lão - Bệnh - Tử*”, “Hồ Anh Thái viết như để giảm stress bởi bốn con đường vào nhà cười của anh đều lát đá hoạt kê. Cái giọng văn hài hước, ngôn ngữ đường phố, chợ búa đầu thế kỷ XXI đọc để giải sầu” [57]. Có điều đặc biệt là “ở lối vào nhà cười nào cũng có

tiếng cười, nó biến giọng văn của Hồ Anh Thái thành giọng của một trí thức châm chọc, giọng hoạt kê, đả kích bằng thứ ngôn ngữ đả đếu, hài hước” [57]. Báo Sài Gòn tiếp thị nêu nhận xét: “Ở Bốn lồi vào nhà cười, tiếng cười thật chua chát, bật lên được ý thức tự trào của một người Việt tự trào. Từ những chuyện vặt nhưng khả năng phóng chiếu, châm biếm của nó thì không vặt chút nào, bởi nó chạm đến phần nhạy cảm trong tính cách con người ta. Nếu tự tri ngộ tức là tự cười mình để thoát ra tứ đại khổ, nhìn xuống nhân sinh có khi chợt thấy một nhà cười” [57]. Tạp chí Sức khoẻ và đời sống còn có những đánh giá khá thống nhất với những gì dẫn ra trên đây: “Nhà văn Hồ Anh Thái đã mang đến cho bạn đọc những giây phút sáng khoái cười. Ngòi bút trơn lướt, anh viết hấp dẫn, giọng văn châm biếm, trào lộng; ngôn ngữ hoạt kê hiện đại... Cái sự gây cười nhiều hơn là ở những chi tiết đắt giá” [57].

Trong những công trình nghiên cứu khoa học dưới dạng khóa luận, luận văn trong các trường đại học cũng ít nhiều đề cập, ghi nhận sự xuất hiện của cảm hứng giễu nhại trong các sáng tác văn xuôi đương đại, nhưng dường như chưa có sự nghiên cứu toàn diện về vấn đề này.

Nhìn chung, những công trình, bài viết trên đây, tuy còn riêng lẻ, chưa tập trung một cách hệ thống, nhưng đó là những gợi mở quan trọng để từ đó người viết triển khai đề tài.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***3.1. Đối tượng nghiên cứu***



Sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái là rất đa dạng. Vì thế, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát những truyện ngắn tiêu biểu về thủ pháp nhại, bao gồm những truyện ngắn có chất nhại yếu tố giễu nhại của các tác giả: Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái.

- Nguyễn Huy Thiệp (2005), *Truyện ngắn*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

- Phạm Thị Hoài (1989), *Mê lộ(tập truyện ngắn)*, NXB Tổng hợp Phú Khánh.

- Phạm Thị Hoài (1993), *Từ Man nương đến A. K và những tiểu luận*, Nxb Hợp lưu.

- Hồ Anh Thái (2004) (Tái bản), *Tự sự 265 ngày*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.

- Hồ Anh Thái (2004) (Tái bản), *Bốn lối vào nhà cười*, NXB Đà Nẵng.

- Hồ Anh Thái (2005), *Sắp đặt và diễn*, NXB Hội nhà văn.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Bao gồm các bình diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, tức là cả cảm hứng giễu nhại và các hình thức nhại thể loại, ngôn ngữ và giọng điệu.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Để phục vụ cho nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp thống kê - phân tích.
- Phương pháp cấu trúc - hệ thống.

- Phương pháp so sánh – đối chiếu.

Về lý thuyết, luận văn sử dụng lý thuyết thi pháp học hiện đại, lý thuyết tự sự.

## **5. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, thư mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái niệm nhại và sự hiện diện của yếu tố nhại trong văn xuôi Việt Nam đương đại.

Chương 2: Thủ pháp nhại trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái qua cảm hứng nghệ thuật.

Chương 3: Thủ pháp nhại trong truyện ngắn Việt Nam Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái qua phương thức thể hiện.

## **CHƯƠNG 1**

### **KHÁI NIỆM NHẠI VÀ SỰ HIỆN DIỆN CỦA YẾU TỐ NHẠI TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI**

#### **1.1. KHÁI NIỆM NHẠI VÀ GIỂU NHẠI TRONG VĂN HỌC**

Tim hiểu và nhìn nhận về bản chất mối quan hệ giữa nhại và giễu nhại, nhiều nhà phê bình, nghiên cứu đã có những kiến giải thấu đáo. Theo G. Genette thì cả hai hình thức giễu nhại (parody) và nhại (pastiche) đều thuộc phương thức hài hước (playful), nhưng giễu nhại thuộc quan hệ biến đổi, còn nhại thuộc quan hệ bắt chước. Nhà nghiên

cứu người Mỹ, Fredrik Jameson lại nhìn nhận: giễu nhại đã bị tước đoạt mất đi sự hài hước và ý đồ nhạo báng, nên ông gọi giễu nhại là pastiche. Còn một số lý thuyết gia hậu hiện đại thì xem pastiche (nhại) cũng là “một dạng giễu nhại đặc biệt”, “ như sự tự giễu nhại”. Có thể nói, hầu hết các nhà nghiên cứu, dù nhìn ở dưới góc độ nào thì giễu nhại và nhại đều có mối sự gắn bó mật thiết với nhau – giễu thường đi liền với nhại để trở thành thuật ngữ kép là giễu nhại.

## **1.2. CƠ SỞ HÌNH THÀNH NHẠI VÀ GIỄU NHẠI TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI**

### **1.2.1. Sự đổi mới của xã hội**

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã mở ra một trang mới trong lịch sử đất nước. Bước ra từ cuộc chiến tranh, công cuộc xây dựng đất nước của xã hội Việt Nam ngày càng vận động và chuyển biến mạnh mẽ. Những đòi hỏi từ sự phát triển của nền kinh tế thị trường, sự hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu văn hóa trong khu vực và trên thế giới đã tạo nên những động lực phát triển mới, đồng thời cũng làm nảy sinh những quan hệ xã hội mới, trong đó không loại trừ sự suy thoái về đạo đức lối sống, sự tha hóa về nhân cách của con người.

Trên tinh thần dân chủ và cùng với quan điểm sáng tác văn nghệ cởi mở “đã thổi một luồng gió lớn vào đời sống văn học nghệ thuật nước nhà, mở ra một thời kỳ đổi mới của văn học Việt Nam trong tinh thần đổi mới và nhìn thẳng vào sự thật” [26, tr.11]

Văn học Việt Nam giai đoạn sau 1975 cũng có những thay đổi rất lớn về nội dung và hình thức so với các giai đoạn trước đó.

Có thể nói, yêu cầu đổi mới văn học thời kỳ này cũng là một tất yếu để phù hợp với thời đại và đáp ứng nhu cầu tự thân của nó. Đổi mới văn học biểu hiện ở những thay đổi trong nội dung sáng tác, phương thức biểu hiện, phạm vi phản ánh... Nhiệt tình đổi mới xã hội, khát vọng dân chủ và tinh thần nhìn thẳng vào sự thật là những động lực tinh thần cho văn học phát triển mạnh mẽ. Sự đổi mới ý thức nghệ thuật nằm ở chiều sâu của đời sống văn học, nó vừa là kết quả, vừa là động lực cho những tìm tòi đổi mới trong sáng tác, đồng thời lại tác động mạnh mẽ đến sự tiếp nhận của công chúng văn học. Tư duy văn học mới đã dần hình thành, làm thay đổi các quan niệm về chức năng của văn học, về mối quan hệ giữa văn học và đời sống, nhà văn và bạn đọc, về sự tiếp nhận văn học. Đồng thời sự đổi mới tư duy nghệ thuật cũng thúc đẩy sự tìm kiếm, thể nghiệm về cách tiếp cận thực tại, về các thủ pháp và bút pháp nghệ thuật của nhà văn.

Xuất phát từ cái nhìn mới về hiện thực cuộc sống và con người, mỗi nhà văn đều có một lối đi cho riêng mình. Nhưng nhìn chung, văn học ở thời kỳ đổi mới này phần lớn hướng đến những mảnh vỡ của cuộc sống hiện đại. Từ đó nhà văn đã khám phá ra những mảng hiện thực mới mẻ, phức tạp, biểu hiện hiện thực như nó vốn có với những khía cạnh khuất lấp. Hiện thực cuộc sống hiện lên như những rạn vỡ, hỗn tạp làm bật lên tiếng cười. Và nó không chỉ dừng lại ở cái vốn có mà nhà văn đã đi sâu tiếp nối và khai thác cái lạ, cái hỗn loạn, phi lí tồn tại song song với hiện thực trần trụi trong cuộc sống để đáp ứng nhu cầu giải phóng cái tôi cá

nhân trong hiện thực mới. Từ đó, nhà văn lách sâu vào từng tế bào vi mạch của cuộc sống, của con người làm hiện lên chân thực những cơ tầng sâu kín nhất bị khuất lấp hay cố tình bị che dấu đi.

Có thể thấy, bằng cảm quan mới hiện thực, con người và quan niệm riêng về nghệ thuật đã chi phối và góp phần tạo nên chất giễu nhại trong văn học sau 1975 nói chung và ở các nhà văn nổi bật nói riêng.

### **1.2.2. Sự tiếp nhận trào lưu văn học hậu hiện đại**

Sau 1975 đất nước được thống nhất, xã hội chuyển từ thời chiến sang thời bình, đời sống con người có nhiều biến chuyển. Các mối quan hệ mới bắt đầu hình thành, con người chú tâm đến đời sống cá nhân riêng tư nhiều hơn. Tuy nhiên âm hưởng hào hùng của sự nghiệp thống nhất đất nước vẫn còn vang vọng trong đời sống xã hội và trong nhiều loại hình văn hóa, nghệ thuật trong đó có văn học. Một thời gian dài đa số những sáng tác của chúng ta vẫn theo quán tính sử thi nên chưa bắt kịp với hiện thực cuộc sống. Công cuộc đổi mới đã tạo nên bộ mặt mới cho đời sống kinh tế, đồng thời cũng tạo nên không ít biến động trong đời sống xã hội. Nó trả con người trở về với cuộc sống đời thường với những vui buồn, toan tính, lo âu hằng ngày. Nó kéo con người vào guồng quay của đời sống với những cuộc đấu tranh bất tận giữa giàu có với đói nghèo, giữa văn minh với lạc hậu, giữa bản năng với ý thức... Không phải đối mặt với sự sống, cái chết như trong chiến tranh, nhưng con người thời bình phải đối mặt với vô vàn những tất bật, nhiều khê của cuộc đời.

Cùng với những thay đổi do đổi mới mang đến, những thập niên cuối thế kỷ XX đời sống người Việt bắt đầu chịu ảnh hưởng của sự bùng nổ công nghệ thông tin và xu hướng toàn cầu hóa. Xu hướng toàn cầu hóa đã tạo điều kiện cho các nước xích lại gần nhau và tạo nên một sự giao lưu kinh tế - văn hóa trên phạm vi toàn thế giới. Bên cạnh việc duy trì mối quan hệ văn hóa với các nước bạn bè truyền thống. Việt Nam còn mở cửa đón nhận những thành tố văn hóa đa sắc từ bạn bè khắp nơi trên thế giới để chuẩn bị cho thời kì hội nhập. Mở rộng giao lưu văn hóa khiến mỗi người dân Việt có được cái nhìn rộng mở hơn về thế giới. Trên đại thể, cảm quan thẩm mỹ của người Việt sau đổi mới có tính chất dung hợp. Xét về đặc điểm kinh tế - xã hội, Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn đang phát triển, đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nên con người Việt Nam cơ bản duy trì cảm quan hiện đại. Song do tính chất toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, truyền thông..., đời sống tinh thần xã hội ít nhiều cũng xuất hiện những sự hoài nghi, bất tín nhận thức của kiểu cảm quan hậu hiện đại. Chính đặc điểm này là tiền đề khách quan tạo nên những xu hướng mới trong các loại hình nghệ thuật cũng như trong văn học.

Hiện thực cuộc sống thay đổi, cảm quan của thời đại thay đổi là điều kiện cần thiết để các nhà văn thay đổi tư duy nghệ thuật. Song sự đổi mới tư duy nghệ thuật chỉ có thể thật sự có được khi chủ thể sáng tạo được giải phóng ra khỏi những ràng buộc về phương diện tư tưởng. Suốt một thời gian dài trong thời kì chiến tranh, văn học tạm chấp nhận

theo những quy phạm để nhận lãnh trách nhiệm phục vụ cho công cuộc giải phóng dân tộc. Sau 1975, một số nhà văn đã có ý thức thay đổi tư duy để tiếp cận hiện thực mới, điều này đã bắt đầu nhen nhóm nhu cầu cách tân trong văn học. Việc nhìn lại một thời kì đã qua và nhận ra những thiếu sót, hạn chế của nền văn học khiến các nhà văn nỗ lực tìm kiếm cho mình những hướng đi mới. Có thể nhận thấy xu hướng này trong sáng tác của những nhà văn cầm bút trong thời chiến như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lưu,... Việc nhận thức lại quá khứ và những nguyên lí sáng tác của thời kì đã qua dù hữu thức hay vô thức thì cũng gắn với tinh thần của hậu hiện đại. Đặc biệt, cũng trong thời kì này, trào lưu hậu văn học hiện đại đang trở nên phổ biến trên thế giới, nên việc ảnh hưởng của nó, dù ít hay nhiều đến bút pháp của các nhà văn là điều có thể khẳng định.

Như vậy có thể thấy, những quan niệm về xã hội, con người, nghệ thuật của các cây bút đương đại Việt Nam mới chỉ thể hiện trên một số dấu hiệu, một số bình diện. Nhưng chừng ấy cũng đủ để tạo thành động lực, tạo thành những cú hích không nhỏ cho các cây bút trong nền văn học đương đại và cũng đủ để thổi bùng ngọn lửa của niềm hy vọng trong mỗi con người Việt Nam về một nền văn học khởi sắc bắt kịp với dòng chảy của văn học thế giới trong tương lai.

### **1.3. BIỂU HIỆN CỦA YẾU TỐ NHẠY / GIẾU NHẠY TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI – CÁI NHÌN TỔNG QUAN**

Mặc dầu có sự khác nhau khá xa giữa các đặc tính của văn học hậu hiện đại với đặc tính của các hiện tượng văn học trước đó, song nhìn trên bình diện cảm quan, có thể nói, tinh thần hoài nghi cái chính thống và những giá trị ổn định, trên thực tế đã ít nhiều xuất hiện trong lịch sử văn học, còn xét trên bình diện kĩ thuật, người ta cũng không bất ngờ trước các yếu tố nhại, sự dung hợp thể loại, hình thức huyền thoại... vì chúng vốn đã xuất hiện ngay trong các sáng tác dân gian.

Dù chưa đếm hết những tác giả có tác phẩm mang yếu tố nhại song có thể thấy sự phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu trong đó có sự tìm tòi đổi mới cách thức thể hiện của văn xuôi Việt Nam thời kỳ đổi mới là một thực tế không thể phủ nhận. Với cái nhìn thẳng vào sự thật, khám phá hiện thực ở nhiều chiều kích khác nhau trên cơ sở của những cảm xúc mới mẻ trong đó có cảm hứng giễu nhại, các tác giả văn xuôi sau năm 1975 đã đem đến cho văn học một diện mạo mới, sắc thái mới. Qua đó, chúng ta có thể khẳng định thủ pháp nhại là một đặc điểm khá nổi bật trong văn xuôi nước nhà sau 1975 đồng thời là một vấn đề cần được nghiên cứu tìm hiểu một cách nghiêm túc và có hệ thống khi nghiên cứu văn học sau 1975



## CHƯƠNG 2

### THỦ PHÁP NHẠY TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN HUY THIỆP, PHẠM THỊ HOÀI, HỒ ANH THÁI QUA CẢM HỨNG NGHỆ THUẬT

#### 2.1. CHÂM BIÊM NHỮNG HIỆN TƯỢNG LỐ BỊCH, KỆCH CỐM

Là một nhà văn luôn có những phát hiện, tìm tòi đổi mới không ngừng nghỉ, qua cái nhìn giễu nhại, Hồ Anh Thái đã chỉ ra những nét khiếm khuyết của con người trong xã hội hiện đại. Để qua đó, mỗi con người tự soi xét bản thân với những phần khuất tối, mặt tiêu cực, cái phàm tục, sự nhếch nhác,... Ngòi bút của ông rất tinh nhạy khi phát hiện tâm lí sùng ngoại, háo danh, sự xuông cấp của con người đương đại đang dần hủy hoại chính tương lai của họ ng đời sống thường nhật. Bên cạnh đó, tác giả còn viết về sự đổ vỡ của quan hệ gia đình bị đe dọa bởi sự vi phạm những nguyên tắc đạo đức tốt đẹp

Có thể nói, 31 truyện ngắn trong hai tập truyện *Sắp đặt và diễn*, *Tự sự 265 ngày* cùng với *Bốn lối vào nhà cười* là những mảnh vỡ chấp nối thành cuộc sống với nhiều đường vân dị hình, nhếch nhác, sự đánh mất phương hướng, bản ngã của con người khi đứng trước xã hội lộn xộn, bất an. Thông qua cái nhìn giễu nhại, Hồ Anh Thái đã phơi bày một thực trạng đáng báo động về vấn nạn xã hội và nguy cơ làm băng hoại những giá trị tốt đẹp giữa con người với con người trong quan hệ gia đình, cộng đồng,

đẩy con người tới sự tha hoá, biến dạng. Nhưng có lẽ điều sâu xa mà tác giả muốn nhấn mạnh ở đây là nguyên nhân dẫn tới thực trạng ấy. Chính con người chứ không phải ai khác, bằng cách này hay cách khác, vô tình hay cố ý đã và đang tạo ra những cạm bẫy hiểm nguy từ sự vô cảm, vô trách nhiệm, thói ích kỷ và lối sống buông thả, sa đọa.

## **2.2. TRUY VẤN NHỮNG HIỆN TƯỢNG THỰC DỤNG, THA HÓA, BIẾN CHẤT**

Vào những thập niên cuối của thế kỷ XX, đời sống tinh thần, vật chất của xã hội Việt Nam có những chuyển động phức tạp. Mặt trái của nền kinh tế thị trường chi phối ghê gớm đến suy nghĩ, lối sống, cách sống của con người. Có thể nói, ngòi bút Hồ Anh Thái đã lách sâu vào biết bao nhức nhối, bao điều khuất lấp để phanh phui, mổ xẻ, đưa ra ánh sáng tất cả sự thật đáng buồn về đời sống của những con người có tầm ảnh hưởng lớn đối với xã hội. Cái nhìn giễu nhại vừa hài hước trào lộng mà sắc sảo chua cay của nhà văn khiến người đọc khi phải bật cười chua chát, khi phải kìm nén một cái gì đấy như thể sự uất ức, nghèn nghẹn.

Truy vấn về hiện tượng thực dụng, tha hóa, biến chất ở ngay chính bản thân con người, nhà văn không khỏi làm cho người đọc bàng hoàng, thảng thốt trước những vấn đề nhức nhối của xã hội. Nhưng có lẽ, đằng sau những sự xuống cấp, tha hóa, những hành động vô luân, tàn bạo của một số bộ phận con người đó thì nhà văn muốn đặt niềm tin vào những điều tốt đẹp sẽ nâng đỡ con người vượt lên cõi dung tục, tầm thường, giúp con người

tự soi bản thân để gọt dũa, thanh lọc đời sống tâm hồn trước bao biến động của cuộc sống.

### **2.3. GIẢI THIÊNG NHỮNG THÂN TƯỢNG TRONG LỊCH SỬ, TRUYỀN THUYẾT**

Trong tiến trình phát triển của văn học sau 1975, xu hướng giải thiêng lịch sử, truyền thuyết là xu hướng được khá nhiều nhà văn lựa chọn. Từ những truyện ngắn của Hòa Vang, Nguyễn Huy Thiệp đến tiểu thuyết của Võ Thị Hảo, Nguyễn Quang Thân... vấn đề lịch sử đã được nhà văn soi rọi bằng một nhãn quan mới. Khi cuộc sống sang trang, con người phải đối mặt với những vấn đề chưa từng được đặt trước đó, nhu cầu nhìn lại quá khứ, nhìn lại lịch sử để lí giải hiện trạng, rút ra bài học cho ngày hôm nay trở thành một nhu cầu cần thiết. Hơn ai hết các nhà văn là những người sớm nhận ra điều đó và với sự nhạy cảm của mình, họ đã dùng hình tượng nghệ thuật để tinh thức bạn đọc. Nguyễn Huy Thiệp là cây bút tiêu biểu cho xu hướng trên. Đáng kể nhất phải kể tới là *Kiểm sắc*, *Vàng lửa*, *Phẩm tiết*, *Trương Chi*, *Chút thoáng Xuân Hương*, *Nguyễn Thị Lộ*,...

Qua trang viết của Nguyễn Huy Thiệp về nhân vật, ta thấy họ đến với người đọc như những con người bằng xương bằng thịt. Với cách nhìn như thế, với phương thức thể hiện như thế, tác giả đã đưa những nhân vật lịch sử về gần với cuộc sống. Họ không còn là những tượng đài bất biến trong truyền thống nữa mà họ trở nên gần gũi hơn với con người trong hiện tại. Thông qua đó, ông bộc lộ trần trụi của mình đối với hiện thực đời sống, bộc lộ ý thức

hoài nghi về các bảng giá trị cũ. Ở các truyện ngắn này, nhà văn không có ý dựng lại các chân dung lịch sử, truyền thuyết mà các nhân vật, lịch sử chỉ là cái cớ để ông suy nghĩ về mối quan hệ ứng xử giữa người với người trong xã hội cũng như số phận và tâm lí của cả dân tộc.

### HƯƠNG 3

#### **THỦ PHÁP NHẠY TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN HUY THIỆP, PHẠM THỊ HOÀI, HỒ ANH THÁI QUA PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN**

#### **3.1. NHẠY CÁC THỂ LOẠI VĂN HỌC CỔ ĐIỂN**

##### **3.1.1. Nhại các thể loại văn học dân gian (truyện cổ tích, truyền thuyết)**

Nhại cổ tích (giả cổ tích, phản cổ tích) là khái niệm được nhà nghiên cứu Đặng Anh Đào đưa ra để chỉ những truyện ngắn hiện đại có dạng thức gần gũi với hình thức của truyện kể dân gian. Đặc điểm của nó là xu hướng vận dụng các motif folklore trong quá trình xây dựng truyện. Giả cổ tích có nhiều hình thức biểu hiện. Trước hết, đây là những truyện có sử dụng cốt truyện, mô típ của truyện cổ tích. Bên cạnh đó, "nhại cổ tích" còn là những truyện có cấu trúc ngầm. Ở loại này, nhân vật có thể là nhân vật hiện đại, cốt truyện hiện đại nhưng bằng các động tác giả (đẩy lùi thời gian, phiếm chỉ hóa nhân vật...) người viết đã tạo nên chất cổ tích, huyền thoại trong mạch ngầm văn bản. Vì vậy,

người ta thường chia những truyện theo phong cách nhại cổ tích thành hai mức độ: mô phỏng và nhại.

### **3.1.2. Nhại các thể loại văn xuôi trung đại (tiểu thuyết cổ điển, truyện lịch sử)**

Trong văn học Việt Nam sau 1975 có sự xuất hiện nhiều truyện ngắn nhại cách viết chương hồi của tiểu thuyết cổ điển truyền thống với cách lắp ghép, xâu chuỗi các chuyện kể với nhân vật người kể, với diễn biến theo trình tự trước sau của trục thời gian như *Giọt máu*, *Cún* (Nguyễn Huy Thiệp), *Nhân sư* (Hòa Vang)... Nhại lối viết chương hồi, cổ tích và lịch sử là hình thức nhại truyền thống phổ biến nhất trong văn xuôi Việt Nam sau 1975. Có thể xem truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp tiêu biểu cho lối viết trên.

Một số truyện của Nguyễn Huy Thiệp chia thành từng phần nhỏ, có đánh số thứ tự, cách viết ngắn gọn, thiên về kể hơn tả. Truyện *Giọt máu* chia làm 14 phần, đánh số thứ tự từ I đến XIV, viết về cả một dòng họ - dòng họ Phạm thất đức, loạn luân và cả mấy thế hệ con cháu phải trả giá. Cốt truyện liền mạch, có đầu cuối rõ ràng, mỗi đoạn của truyện có chất kết dính bên trong theo logic nhân quả, nhằm nêu bật chủ đề "ác giả ác báo". Mở đầu bằng một câu thơ tóm gọn nội dung câu chuyện "đem chuyện trăm năm giữ lại bàn", nêu thời gian, địa điểm "nửa đầu thế kỉ trước, ở Kẻ Noi, huyện Từ Liêm có ông Phạm Ngọc Liên là bậc đại phú" [42, tr.242].

Truyện lịch sử là một thể loại tiêu biểu trong văn học trung đại Việt Nam, dưới hình thức sưu tầm, ghi chép truyện về nhân kiệt địa linh và các sự kiện lịch sử. Về cơ bản, các tác giả của chúng bám sát lịch sử, lấy nhân vật lịch sử và sự kiện lịch sử làm đối tượng phản ánh. Tuy nhiên, trong văn xuôi đương đại, đã xuất hiện một xu hướng viết truyện lịch sử giả như là một giải thiêng về lịch sử. Nguyễn Huy Thiệp là một trong những tác giả nổi bật nhất của xu hướng này với một loạt truyện: *Kiểm sách*, *Vàng lửa*, *Phẩm tiết*, *Chút thoáng Xuân Hương*, *Nguyễn Thị Lộ*, *Mưa Nhã Nam*.

## **3.2. NHẠY NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỀU**

### **3.2.1. Nhạy ngôn ngữ**

Ngôn ngữ, đối với văn chương, là nơi thể hiện tài năng, cá tính và quan điểm nghệ thuật của tác giả. Trong sự chuyển mình của văn xuôi nước ta thời kì đổi mới nổi lên nhu cầu tìm kiếm "chất liệu". Và điều dễ nhận thấy nhất là sự đổi mới về ngôn ngữ. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*: “ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu cơ bản của văn học, là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn” [17, tr.149]. Nhà văn sử dụng ngôn ngữ để sáng tạo nên thế giới nghệ thuật của mình. Khi khảo sát các sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái, người viết muốn ghi nhận một số đặc điểm nổi bật trong ngôn ngữ nghệ thuật của tác giả nhằm thể hiện nhất quán thủ pháp giễu nhại trong sáng tác nghệ thuật của nhà văn.

Viết về một hiện thực với tất cả sự đa dạng, phong phú của nó bằng một cái nhìn thẳng thắn thông qua cảm hứng giễu nhại, ngòi bút của nhà văn đã khai thác kho ngôn ngữ ngôn ngôn sinh động của đời sống hiện đại và làm mới nó theo ý đồ nghệ thuật của mình. Vì thế, chúng ta không khỏi ngỡ ngàng trước những “ngôn ngữ bụi bặm”, “ngôn ngữ đường phố chợ búa đầu thế kỷ XXI” hoặc là thứ ngôn ngữ “đáo đẽ, hài hước”, “hoạt kê hiện đại” được ulla vào trong các tác phẩm.

### **3.2.3. Giọng điệu giễu nhại**

Văn học là nghệ thuật của ngôn từ, nhưng ngôn từ ở đây không chỉ có từ, mà đòi hỏi phải có hồn, tức là giọng điệu. Có thể nói, tính đa nghĩa, sự hấp dẫn của tác phẩm văn học trước hết thể hiện ở giọng điệu. Đó là nơi thể hiện thái độ và thị hiếu thẩm mỹ của người nghệ sĩ. Nhà văn khi tái hiện đời sống xã hội không nhất thiết chỉ bằng cái nhìn nghiêm trang, đạo mạo. Ngòi bút của tác giả không ngại khi cười cợt, châm chọc, hài hước hóa mọi vấn đề. Và với tinh thần này, giọng giễu nhại đã trở thành giọng chủ đạo trong truyện ngắn sau 1986.

Có thể nói, phải đến Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái thì giọng điệu giễu nhại mới thực sự rõ nét và tạo dấu ấn khó quên. Một trong những hiệu quả thẩm mỹ của giọng giễu nhại là khả năng mang đến tính bất ngờ. Trong sáng tác của nhà văn hiện đại và hậu hiện đại nói chung và trong truyện ngắn của Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái nói riêng. Bằng chất giọng này, tác giả đã làm bật lên được những cái đáng cười, đáng chế giễu

trong đời sống và đặc biệt là con người sau lớp vỏ bọc hào nhoáng và danh giá bên ngoài. Đó là một trong những nỗ lực khám phá tích cực và toàn diện của nhà văn. Nó góp phần mang lại sự cởi mở, thoải mái, dân chủ trong đời sống văn học đương đại. Một mặt, nó giải thoát khả năng phán đoán, mở rộng trí tưởng tượng, mặt khác nó thể hiện sự tinh táo của nhà văn và bạn đọc trong mối quan hệ với hiện thực. Giọng giễu nhại thể hiện cách nhìn đời vừa nhẹ nhàng vừa mạnh mẽ, vừa lém lỉnh nghiêm túc, vừa khắt khe độ lượng, nhờ đó mà nhà văn chiếm lĩnh, mổ xẻ hiện thực một cách tự do, hoàn hảo. Mục đích giễu nhại của nhà văn không chỉ là phơi bày chúng ra mà còn là tiếng cười để chia tay với những nghịch dị, phí lí của quá khứ, loại bỏ nó ở hiện tại và trong tương lai.



## KẾT LUẬN

Xuất hiện trong trào lưu đổi mới của văn học, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái là những nhà văn mạnh dạn cảnh báo và phản tỉnh sự thật của đời sống đất nước sau chiến tranh. Bằng thủ pháp nhại chủ đạo, ngòi bút của các nhà văn đã lật tẩy những cái tiêu cực, những tệ nạn của xã hội, những nguy cơ làm biến dạng và tha hóa đối với con người luôn tiềm ẩn trong môi trường sống xã hội. Đồng thời nhà văn cũng phơi bày những góc khuất của đời sống công chức, trí thức; những mảng tối của các lĩnh vực văn hoá, khoa học giáo dục, văn chương nghệ thuật. Từ cái nhìn chân thực như thế, tác giả muốn nói lên quan niệm của mình: Cuộc đời như một cái nhà cười mà khi bước vào đó, mỗi người trong chúng ta đều phải bật cười vì những cái hài hước, đáng cười. Nhưng đằng sau sự thật về những điều lố bịch, xấu xa, phi lý... đang nghiêm nhiên tồn tại trong đời sống, khiến người đọc chột thấy chạnh buồn, xót xa và chua chát.

Cùng với việc mở rộng bình diện khám phá hiện thực đời sống, thủ pháp nhại còn dẫn dắt tác giả đi sâu khám phá bản chất bên trong của con người để lấy ra trong đó những tồn tại, hạn chế mà không phải lúc nào con người cũng đủ tinh táo và bản lĩnh để thấu suốt. Cái ác, thói sùng ngoại, háo danh, thực dụng và phản tự nhiên bản năng của con người luôn tồn tại trong mỗi con người. Chỉ có điều nó trở nên rõ nét hơn trong hành vi ứng xử của con người với tập thể, cộng đồng ở thời điểm hiện tại trong cái bề bộn,

ngôn ngữ của đời sống hiện đại. Khi nói về điều này, cảm hứng giễu nhại của người nghệ sĩ không còn có những tiếng cười thoải mái mà như đằm hơn, sâu hơn thậm chí có lúc đã khiến người đọc phải rùng mình ghê sợ. Qua những trang văn, chúng ta nhận thấy một sự cảnh tỉnh, thức tỉnh mạnh mẽ.

Không chỉ chi phối mạnh mẽ đối với quan niệm của nhà văn về đời sống và con người hôm nay, thủ pháp nhại còn khẳng định chỗ đứng độc đáo trên phương diện nghệ thuật. Biểu hiện rõ nhất của sự thâm nhập ấy là ở giọng điệu, ngôn ngữ nghệ thuật, sự đổi mới về cấu trúc thể loại văn học. Nhờ thủ pháp nhại mà các nhà văn đã tạo nên trong tác phẩm của mình những bức chân dung hí hoạ, biếm hoạ sắc nét và sinh động về con người. Từ sự tìm tòi, đổi mới, tác giả đã tạo ra “những công cụ mặt nạ, gương soi”, một kiểu hoá trang để làm bật lên những cái hài hước, lố bịch, dị dạng, ma quái tồn tại trong cuộc sống này mà “nhại giọng chua cay của người này người khác theo lối tinh táo mà thấy rằng cả cái thực tại ấy, cả cái giọng chua cay ấy đều đi đến một kết cục tất yếu, hư vô và tức cười của kiếp người”, mà cảnh báo và thức tỉnh người đọc.

Với tất cả sự nỗ lực, tài năng và tâm huyết của mình, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái đã đang và sẽ tiếp tục gặt hái được những thành công trên hành trình văn chương đầy khó khăn, thử thách. Họ đã góp phần xứng đáng vào những bước tiến mới của văn xuôi nói riêng, văn học nước nhà nói chung trên con đường đổi mới.